TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 384/2026/HS-PT
Ngày 16 tháng 6 năm 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Công Mười

Các Thẩm phán: Ông Chung Văn Kết

Ông Cao Văn Tám

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Nơi – Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Lê Tấn C – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 126/2026/TLPT-HS ngày 03 tháng 3 năm 2026 đối với vụ án Phùng Quang H cùng đồng phạm, do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hoàng A đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 30/2026/HS-ST ngày 15/01/2026 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3181/2026/QĐ-PT ngày 04 tháng 6 năm 2026.

- Bị cáo có kháng cáo

Nguyễn Hoàng A; sinh năm 1994 tại Thành phố Hà Nội; nơi đăng ký thường trú: B ngách A H, phường N, quận B, Thành phố Hà Nội (nay là phường B, Thành phố Hà Nội); chỗ ở: 19 Đường A, khu dân cư T, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã B, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh H1 và bà Nguyễn Lan H2; hoàn cảnh gia đình: có 01 vợ nhưng đã ly hôn, có 01 con sinh năm 2021; Đảng viên Đ2 (Đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 159-QĐ/UBKTQU ngày 30/12/2024 của Ủy ban kiểm tra Quận ủy B, Hà Nội) (754).

Tiền án, tiền sự: không;

Bắt, tạm giam: 01/8/2023;

Thay đổi biện pháp Tạm giam bằng cấm đi khỏi nơi cư trú: 29/9/2023;

Bị cáo tại ngoại, vắng mặt tại phiên tòa.

- Ngoài ra, trong vụ án này còn có bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2021, bị cáo Nguyễn Hoàng A từ Thành phố Hà Nội đến Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống và cho người khác vay tiền với lãi suất cao vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất mà pháp luật dân sự cho phép. Khi cho vay tiền, Hoàng A yêu cầu người vay viết "Giấy biên nhận vay tiền" theo mẫu do Hoàng A cung cấp, trên biên nhận vay tiền chỉ ghi số tiền vay mà không ghi lãi suất.

Từ năm 2022 đến tháng 6/2023, các bị cáo Hoàng Trọng Đ, Phùng Quang H, Nguyễn Văn L và Đỗ Hồng Q sống chung với nhau tại căn hộ thuộc chung cư P, số C P, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong thời gian đã nêu, các bị cáo cho nhiều người khác vay tiền với lãi suất vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất mà pháp luật dân sự cho phép. Trong quá trình cho vay, khi Đ hoặc H không đủ tiền để cho vay thì Đ, H sẽ chuyển khoản cho nhau để hỗ trợ nguồn tiền cho vay.

Đ thuê Q tìm kiếm người vay, thu thập thông tin cá nhân, hình ảnh khỏa thân của người vay, thu hồi nợ. Hàng tháng, Đ trả công cho Q khoảng 6.000.000đ và 50% tiền phí dịch vụ thu của người vay.

Trong thời gian đầu, L góp vốn với H để cho vay. Đến tháng 6/2023, do L không còn tiền để góp vốn nên H và Hoàng A góp vốn để cho vay và thuê L đi khảo sát nơi ở của người vay tiền, thu tiền gốc và tiền lãi của người vay.

Khi có nhu cầu vay tiền, người vay sẽ gọi điện thoại hoặc nhắn tin liên hệ với H, L, Hoàng A, Đ hoặc Q, các bị cáo yêu cầu người vay cung cấp địa chỉ nơi ở, số điện thoại di động, tài khoản Facebook, Z, giấy tờ tùy thân kèm theo ảnh, clip khỏa thân của người vay bằng cách gửi đến tài khoản Zalo, Facebook của các bị cáo. Sau đó, nhóm của H và nhóm của Đ sẽ cho các đối tượng trong nhóm đi khảo sát, thẩm tra thông tin mà người vay cung cấp, rồi chuyển tiền cho người vay bằng cách giao tiền trực tiếp hoặc chuyển khoản đến tài khoản ngân hàng, tài khoản ví Momo của người vay. Người vay trả gốc và lãi bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng, tài khoản ví Momo của các bị cáo.

Khi đến thời hạn trả tiền mà người vay không trả thì H, L và Đ, Q gọi điện thoại đe dọa người vay buộc trả tiền. Nếu người vay vẫn không trả thì các bị cáo nhắn tin vào tài khoản mạng xã hội của người vay, chửi bới, đe dọa, hoặc đăng tải hình ảnh, clip khỏa thân của người vay lên mạng xã hội, gửi cho bạn bè,

người thân của người vay nhằm uy hiếp tinh thần, đe dọa, ép người vay phải trả tiền cho H, L và Đ.

Các bị cáo cho vay tiền với hình thức vay và lãi suất như sau:

-Vay trả góp: Các bị cáo cho vay với số tiền từ 5.000.000đ đến 20.000.000đ/lần, với lãi suất vay từ 0.833% đến 1.24%/ngày (tương đương 25% đến 37,16%/tháng; tương đương 304% đến 450%/năm); gốc và lãi được chia đều và trả theo ngày, thời hạn trả góp từ 20 ngày đến 50 ngày tùy theo thỏa thuận với người vay. Tiền phí dịch vụ dao động từ 05% đến 10% của khoản vay đối với lần vay đầu tiền, từ lần vay thứ 2 thì tùy vào từng trường hợp cụ thể, các bị cáo có thể thu phí hoặc không thu phí. Khi cho vay, các bị cáo thu trước tiền phí dịch vụ, thu trước 02 ngày tiền trả góp và trừ trực tiếp vào khoản tiền vay. Nếu người vay trả tiền góp chậm từ 03 đến 04 ngày thì bị phạt trả góp thêm 01 ngày tiền lãi, còn nếu trả chậm trên 10 ngày thì người vay phải trả góp lại từ đầu số tiền gốc và tiền lãi (trừ 02 ngày đã thu trước);

-Vay đứng: Các bị cáo cho vay với số tiền từ 5.000.000đ đến 20.000.000đ/lần, lãi suất từ 01% đến 02%/ngày (tương đương 30% đến 60%/tháng; tương đương 356% đến 730%/năm); tiền phí dịch vụ dao động từ 05% đến 10% của số tiền vay; tiền lãi trả hàng ngày cho đến khi trả gốc. Khi cho vay, các bị cáo thu trước tiền phí dịch vụ, thu trước từ 05 đến 10 ngày tiền lãi suất, rồi trừ trực tiếp vào khoản tiền vay, khi người vay trả đủ tiền lãi và trả hết tiền gốc trong 01 lần thì tất toán khoản vay.

Trong quá trình thực hiện giao dịch, nếu người vay không có tiền để trả theo thỏa thuận thì các bị cáo cho vay thêm 01 khoản vay mới, với mục đích để người vay lấy tiền của lần vay sau tất toán cho khoản vay trước (các bị cáo và người vay gọi là "dồn tiền" hoặc là vay "đáo hạn").

Hành vi vi phạm pháp luật của các bị cáo được xác định như sau:

1. Hoàng Trọng Đ cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự và cưỡng đoạt tài sản đối với bà Võ Thảo N:

Khoảng đầu tháng 6/2022, bà N chủ động gọi điện thoại hỏi vay tiền của Đ, Đ ra điều kiện là bà N phải chụp hình căn cước công dân, chụp hình, quay clip khỏa thân của N, gửi qua tài khoản Messenger Facebook "Hoàng Trọng Đ", bà N đồng ý. Sau đó, Đ nhiều lần cho bà N vay tiền, khi thực hiện giao dịch, Đ và bà N chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng và tài khoản M. Cụ thể, Đ đã cho bà N vay tiền và cưỡng đoạt tiền của bà N như sau:

Lần thứ 1: Ngày 16/6/2022, bà N 5.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 21 ngày, mỗi ngày góp 300.000đ. Sau khi trừ phí dịch vụ 500.000đ, trừ trước 02 ngày tiền góp là 600.000đ, Đ chuyển khoản cho bà N 3.900.000đ. Bà N trả được tổng cộng 13 ngày là 3.900.000đ thì xin đáo hạn.

Lần thứ 2: Ngày 29/6/2022, bà N 5.000.000đ để đáo hạn khoản vay 1, hình thức vay trả góp, góp trong 21 ngày, mỗi ngày góp 300.000đ. Bà N góp được tổng cộng 13 ngày (có 01 ngày đóng 200.000đ) thì lại xin đáo hạn.

Lần thứ 3: Ngày 13/07/2022, bà N vay 5.000.000đ để đáo hạn khoản vay thứ 1, hình thức vay trả góp, góp trong 21 ngày, mỗi ngày góp 300.000đ. Bà N trả góp được tổng cộng là 12 ngày (có 02 ngày đóng 250.000đ) thì lại xin đáo hạn.

Lần thứ 4: Ngày 24/7/2022, bà N vay 5.000.000đ để đáo hạn khoản vay thứ 2, hình thức vay trả góp, góp trong 21 ngày, mỗi ngày trả 300.000đ. Bà N trả góp được tổng cộng 11 ngày thì xin đáo hạn.

Lần thứ 5: Ngày 04/8/2022, bà N 5.000.000đ để đáo hạn khoản vay thứ 4, hình thức vay trả góp, góp trong 21 ngày, mỗi ngày 300.000đ. Bà N góp được tổng cộng là 10 ngày thì lại xin đáo hạn.

Lần thứ 6: Ngày 16/8/2022, bà N vay 5.000.000đ để đáo hạn khoản vay thứ 5, hình thức vay trả góp, góp trong 21 ngày, mỗi ngày 300.000đ. Bà N trả góp được tổng cộng là 11 ngày thì lại đáo hạn.

Lần thứ 7: Ngày 29/8/2022, bà N vay 5.000.000đ để đáo hạn khoản vay thứ 6, hình thức vay trả góp, góp trong 21 ngày, mỗi ngày trả 300.000đ. Ngày 11/9/2022, bà N xin đáo hạn.

Lần thứ 8: Ngày 11/9/2022, bà N vay 5.000.000đ để đáo hạn khoản vay thứ 7, hình thức vay trả góp, góp trong 21 ngày, mỗi ngày góp 300.000đ. Ngày 28/9/2022, bà N xin đáo hạn.

Lần thứ 9: Ngày 28/9/2022, bà N vay 5.000.000đ để đáo hạn khoản vay thứ 8, hình thức vay trả góp, góp trong 21 ngày, mỗi góp 300.000đ. Bà N trả góp được tổng cộng được 8 ngày thì xin đáo hạn.

Lần thứ 10: Ngày 10/10/2022, bà N vay 5.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 21 ngày, mỗi ngày góp 300.000đ. Bà N trả được tổng cộng 13 ngày (có thiếu 60.000đ) thì xin đáo hạn.

Lần thứ 11: Ngày 22/10/2022, bà N vay 5.000.000đ để đáo hạn khoản vay thứ 10, hình thức vay trả góp, góp trong 21 ngày, mỗi ngày góp 300.000đ. Bà N góp được tổng cộng được 13 ngày thì xin đáo hạn.

Lần thứ 12: Ngày 03/11/2022, Đ cho N vay 5.000.000đ để đáo hạn khoản vay thứ 11, hình thức vay trả góp, góp trong 21 ngày, mỗi ngày góp 300.000đ. Bà N trả góp được khoảng 10 ngày thì xin đáo hạn.

Lần thứ 13: Ngày 23/11/2022, bà N vay 5.000.000đ để đáo hạn khoản vay 12, hình thức vay trả góp, góp trong 21 ngày, mỗi ngày góp 300.000đ. Bà N góp được 11 ngày thì xin đáo hạn.

Lần thứ 14: ngày 04/12/2022, bà N vay 5.000.000đ để đáo hạn khoản vay thứ 13, hình thức vay trả góp, góp trong 21 ngày, mỗi ngày góp 300.000đ. Bà N trả góp được 9 ngày thì xin đáo hạn.

Lần thứ 15: Ngày 14/12/2022, bà N vay 5.000.000đ để đáo hạn khoản vay thứ 14, hình thức vay trả góp, góp trong 21 ngày, mỗi ngày góp 300.000đ. Bà N góp được 9 ngày thì xin đáo hạn.

Lần thứ 16: Ngày 25/12/2022, bà N vay 5.000.000đ để đáo hạn khoản vay thứ 15, hình thức vay trả góp, góp trong 21 ngày, mỗi ngày góp 300.000đ. Bà N trả được tổng cộng 10 ngày tiền góp (có 01 ngày chỉ đóng 200.000đ) thì xin đáo hạn.

Lần thứ 17: Ngày 03/01/2023, bà N vay 5.000.000đ để đáo hạn khoản vay thứ 16, hình thức vay trả góp, góp trong 21 ngày, mỗi ngày góp 300.000đ. Bà N trả được tổng cộng 13 ngày tiền góp thì xin đáo hạn.

Lần thứ 18: Ngày 17/01/2023, bà N vay 5.000.000đ để đáo hạn khoản vay thứ 17, hình thức vay trả góp, góp trong 21 ngày, mỗi ngày trả góp 300.000đ. Bà N trả góp được 11 ngày (đã trừ luôn 150.000đ Đức chuyển khoản thiếu cho bà N) thì đáo hạn.

Lần thứ 19: Ngày 30/01/2023, bà N vay 5.000.000đ để đáo hạn khoản vay thứ 18, hình thức vay trả góp, góp trong 21 ngày, mỗi ngày góp 300.000đ. Bà N trả góp được 11 ngày thì đáo hạn.

Lần thứ 20: Khoảng ngày 12/02/2023, bà N vay 5.000.000đ để đáo hạn khoản vay thứ 19, hình thức vay trả góp, góp trong 21 ngày, mỗi ngày góp 300.000đ. Bà N trả góp được 11 ngày thì đáo hạn.

Lần thứ 21: Khoảng ngày 24/02/2023, bà N vay 5.000.000đ để đáo hạn khoản vay thứ 20, hình thức vay trả góp, góp trong 21 ngày, mỗi ngày góp 300.000đ. Bà N trả góp được 7 ngày thì đáo hạn.

Lần thứ 22: Ngày 03/03/2023, bà N vay 5.000.000đ để đáo hạn khoản vay thứ 21, hình thức vay trả góp, góp trong 21 ngày, mỗi ngày góp 300.000đ. Ngày 12/3/2022, bà N xin đáo hạn.

Lần thứ 23: Khoảng ngày 08/03/2023, bà N vay 5.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 21 ngày, mỗi ngày góp 300.000đ. Sau đó, ngày 22/3/2022, bà N xin đáo hạn.

Lần thứ 24: Khoảng ngày 12/03/2023, bà N vay 5.000.000đ để đáo hạn lần vay 22, hình thức vay trả góp, góp trong 21 ngày, mỗi ngày góp 300.000đ. Sau đó, ngày 22/3/2022, bà N xin đáo hạn.

Lần thứ 25: Khoảng ngày 22/03/2023, bà N vay 10.000.000đ để tất toán lần vay *23 và lần vay 24*, hình thức vay trả góp, góp trong 21 ngày, mỗi ngày góp 600.000đ. Sau đó, bà N xin đáo hạn.

Lần thứ 26: Khoảng ngày 30/03/2023, bà N vay 10.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 21 ngày, mỗi ngày góp 600.000đ. Sau đó, N xin đáo hạn.

Lần thứ 27: Khoảng ngày 07/04/2023, bà N vay 10.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 21 ngày, mỗi ngày 600.000đ. Sau đó, bà N xin đáo hạn.

Lần thứ 28: Ngày 16/4/2023, bà N vay 10.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 21 ngày, mỗi ngày góp 600.000đ. Bà N trả góp được 08 ngày thì xin đáo hạn.

Lần thứ 29: Ngày 27/4/2023, bà N vay 10.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 21 ngày, mỗi ngày góp 600.000đ. Bà N trả góp được 07 ngày thì xin đáo hạn.

Lần thứ 30: Ngày 04/5/2023, bà N vay 10.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 21 ngày, mỗi ngày góp 600.000đ. Bà N trả góp được 08 ngày thì xin đáo hạn.

Lần thứ 31: Ngày 14/5/2023, bà N vay 10.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 21 ngày, mỗi ngày góp 600.000đ. Sau đó, bà N xin đáo hạn.

Lần thứ 32: Ngày 25/5/2023, bà N vay 10.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 21 ngày, mỗi ngày góp 600.000đ, tổng tiền gốc và lãi phải trả là 12.600.000đ. Sau khi trừ 2 ngày tiền góp trước là 1.200.000đ, trừ 300.000đ tiền phí dịch vụ và 7.800.000đ tiền N còn nợ của lần vay 31, Đ chuyển khoản cho bà N số tiền 700.000đ. Đến ngày 29/5/2023, bà N trả cho Đ được tổng cộng 2.200.000đ.

Ngày 30/5/2023, bà N chậm trả tiền cho Đ (tính đến thời điểm này, bà N còn nợ Đ 2.000.000đ tiền lãi) nên Đ nhắn tin, hăm dọa N phải chuyển cho Đ tiền gốc và lãi tính đến thời điểm này là 10.400.000đ, nếu không trả thì Đ đăng tải thông tin, hình ảnh nhạy cảm của bà N lên nền tảng facebook). Vì lo sợ, bà N chuyển khoản cho Đ 1.200.000đ và xin khất nợ số tiền còn thiếu, ngày hôm sau sẽ đóng. Tuy nhiên Đ không đồng ý và tiếp tục nhắn tin hăm dọa sẽ đăng tải hình ảnh khỏa thân của N lên trang mạng xã hội. Đ tạo bài viết có hình ảnh của N, hình ảnh nhạy cảm và thông tin của bà N rồi chụp màn hình gửi N. Ngày 01/6/2023, bà N chuyển khoản cho Đ 1.000.000đ, ngày 03/6/2023, bà N tiếp tục chuyển cho Đ 1.200.000đ. Do bà N vẫn chuyển tiền chưa đủ theo yêu cầu của Đ nên Đ liên tục nhắn tin hăm dọa bà N. Bà N nhắn tin thương lượng xin tiếp tục vay để lấy tiền tất toán khoản vay lần thứ 32, Đ đồng ý.

Lần thứ 33: Ngày 06/6/2023, bà N vay 10.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 21 ngày, mỗi ngày góp 600.000đ. Sau khi trừ trước 2 ngày tiền góp là 1.200.000đ, trừ 500.000đ tiền phí dịch vụ và 7.600.000đ bà N còn phải thanh toán cho khoản vay lần thứ 32, Đ chuyển khoản cho bà N 700.000đ. Đến ngày 17/6/2023, thì đôi bên thỏa thuận chuyển khoản vay này sang hình thức vay đứng.

Lần thứ 34: Ngày 14/6/2023, bà N vay 5.000.000đ, hình thức vay đứng, mỗi ngày phải trả 100.000đ tiền lãi, 05 ngày Đ sẽ thu lãi 01 lần. Sau khi trừ phí dịch vụ 500.000đ, trừ trước 05 ngày tiền lãi, trừ 02 ngày tiền góp của khoản vay lần thứ 33 (do bà N chưa trả), Đ chuyển khoản cho bà N 2.800.000đ.

Ngày 17/6/2023, bà N chủ động xin Đ chuyển khoản vay trả góp ngày 06/6/2023 (lần vay 33) sang hình thức vay đứng, mỗi ngày trả 200.000đ tiền lãi, tính từ ngày 06/6/2023. Mặc dù từ ngày 06/6/2023 đến ngày 17/6/2023, bà N đã trả góp cho Đ được 3.000.000đ nhưng theo đề xuất của bà N như đã nêu, thấy có lợi nên Đ đồng ý (vì tính tiền lãi từ ngày 06/6/2023 đến ngày 17/6/2023 chỉ có 2.400.000đ nhưng bà N đã trả góp cho bị cáo được 3.000.000đ) và yêu cầu bà N tiếp tục trả lãi vay đứng từ ngày 18/6/2023.

Sau đó, bà N chủ động cộng dồn tiền lãi lần vay thứ 33 và lần vay thứ 34, trả lãi mỗi ngày là 300.000đ. Tính đến ngày 21/6/2023, bà N trả cho Đ tổng cộng 3.700.000đ tiền lãi (trong đó có 3.000.000đ của khoản vay lần thứ 33 và 700.000đ của khoản vay lần thứ 34).

Từ ngày 22/6/2023 đến ngày 13/7/2023, theo thỏa thuận thì bà N phải trả cho Đ 6.600.000đ tiền lãi. Tuy nhiên, bà N chỉ trả được cho Đ 5.000.000đ (tương đương 14 ngày tiền lãi của lần vay 33 trả là 2.800.000đ; 22 ngày tiền lãi của khoản vay lần thứ 34 là 2.200.000đ). Do vậy, Đ liên tục hối thúc bà N phải trả tiền lãi, rồi chửi mắng, hăm dọa bà N.

Ngày 13/7/2023, do bà N vẫn chưa trả đủ tiền lãi nên Đ tạo tài khoản Facebook có tên "Phong Đức T", tạo bài viết có nội dung "gọi lại cho tao" kèm hình ảnh khỏa thân của bà N nhưng che bộ phận nhạy cảm, hình ảnh chứng minh nhân dân, hình ảnh thông tin của bà N. Trong quá trình đăng tải hình ảnh đã nêu, Đ chụp màn hình việc đăng tải lên mạng xã hội bài viết vừa nêu rồi gửi qua tài khoản zalo cho bà N, nhằm ép buộc bà N phải trả cho Đ số tiền lãi còn thiếu là 1.600.000đ. Mặc dù bà N năn nỉ nhưng Đ tiếp tục gửi tin nhắn với nội dung "Để bố m chia sẻ vào các nhóm cho m hiểu" (Nghĩa là đăng tải hình ảnh của N lên các trang mạng xã hội). Sau đó, bà N gọi thoại cho Đ để năn nỉ hứa trả tiền thì Đ nói sẽ tạm thời chưa đăng tải thông tin, hình ảnh đã đề cập. Từ ngày 13/7/2023 đến ngày 22/7/2023, số tiền lãi mỗi ngày một tăng nên Đ tiếp tục nhắn tin, đe dọa bà ép buộc bà N phải trả 3.600.000đ. Vì lo sợ, bà N đã chuyển khoản trả cho Đ 3.600.000đ (ngày 13/7/2023 trả 600.000đ; ngày 14/7/2023, trả 1.000.000đ; ngày 15/7/2023, trả 500.000đ; ngày 20/7/2023, trả 1.500.000đ). Từ ngày 22/7/2023 đến ngày 27/7/2023, bà N trả thêm cho Đ 1.000.000đ tiền lãi lần vay thứ 33 (tương ứng 05 ngày lãi).

Lần thứ 35: Ngày 22/7/2023, bà N vay 5.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 21 ngày, mỗi ngày trả góp 300.000đ. Sau khi trừ 02 ngày tiền góp là 600.000đ và 500.000đ phí dịch vụ, Đ chuyển khoản cho bà N 3.900.000đ. Đối với khoản vay này, bà N đã trả góp cho Đ được 06 ngày tương ứng với số tiền 1.800.000đ.

Tổng hợp 35 lần cho vay:

- Đức đã thu của bà N 71.575.397đ, trong đó:

+Tiền lãi theo pháp luật cho phép là 2.802.740đ;

+Tiền lãi và phí dịch vụ thu vượt quá quy định là 68.896.989đ;

-Số tiền gốc mà bà N còn chiếm giữ là 26.825.395đ;

-Số tiền gốc ban đầu mà Đ sử dụng để cho vay là 3.900.000đ.

-Đ đe dọa ép buộc bà N 14.000.000đ (số tiền này đã được tính trong số tiền 71.575.397đ đã đề cập).

2. Hoàng Trọng Đ và Đỗ Hồng Q cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự và cưỡng đoạt tài sản đối với bà Bùi Ngọc Diễm H3 và bà Bùi Ngọc Cẩm V:

Đối với bà Bùi Ngọc Diễm H3:

Khoảng đầu tháng 12/2022, bà H3 sử dụng khoản Zalo "N" (sử dụng số điện thoại 0902117371 để đăng ký) chủ động nhắn tin đến tài khoản Zalo "Hoàng Trọng Đ" (sử dụng số điện thoại 0832264444 để đăng ký) của Đ để hỏi vay tiền. Đ yêu cầu bà H3 phải chụp ảnh căn cước công dân, 02 hình khỏa khỏa thân và clip khỏa thân gửi cho Đ; gửi đường dẫn tài khoản facebook của ba, mẹ và bà ruột của H3 cho Đỗ Hồng Q thì mới cho vay. Bà H3 đồng ý. Sau đó, Đức cử Q đến gặp trực tiếp bà H3 tại nơi ở của bà H3 để xác minh và báo lại cho Đ. Từ ngày 07/12/2022, Đ và Q đã cho bà H3 vay 08 lần dưới hình thức vay trả góp như sau:

Lần thứ 1: Ngày 07/12/2022, bà H3 vay 10.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 500.000đ. Sau khi thu trước 02 ngày tiền trả góp và tiền phí dịch vụ, Đ chuyển khoản cho bà H3 8.000.000đ. Bà H3 trả góp tổng cộng được 09 ngày với số tiền 4.500.000đ thì xin đáo hạn.

Lần thứ 2: Ngày 16/12/2022, bà H3 vay 10.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 500.000đ. Bà H3 góp được 11 ngày là 5.500.000đ thì xin đáo hạn.

Lần thứ 3: Ngày 26/12/2022, bà H3 vay 10.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 500.000đ. Bà H3 trả góp được 11 ngày với số tiền là 5.500.000đ thì xin đáo hạn.

Lần thứ 4: Ngày 05/01/2023, bà H3 vay 10.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 25 ngày. Ngày 11/01/2023, bà H3 tất toán khoản vay.

Lần thứ 5: Ngày 18/02/2023, bà H3 vay 15.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 750.000đ. Bà H3 trả góp được 10 ngày với số tiền 7.500.000đ thì xin đáo hạn.

Lần thứ 6: Ngày 27/02/2023 bà H3 vay 15.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 750.000đ. Bà H3 trả góp được 11 ngày với số tiền 8.250.000đ thì xin đáo hạn.

Lần thứ 7: Ngày 09/3/2023, bà H3 vay 15.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 750.000đ.

Lần thứ 8: Ngày 19/3/2023, bà H3 vay 15.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 750.000đ. Sau khi trừ trước 2 ngày là 1.500.000đ và trừ 11.250.000đ của lần vay 7 mà bà H3 còn thiếu, Đ chuyển khoản cho bà H3 2.250.000đ.

Ngày 20/3/2023, bà H3 chuyển khoản cho Q 1.500.000đ, ngày 21/3/2023 và 23/3/2023 bà H3 chuyển khoản cho Q 02 lần với tổng số tiền 1.500.000đ. Đến ngày 25/3/2023, bà H3 còn nợ 14.250.000đ. Do bà H3 chưa trả tiền góp của ngày 22/3/2023, ngày 24/3/2023 và ngày 25/3/2023 nên Đ và Q đã chửi bới, hăm dọa và đã đăng tải hình ảnh Căn cước công dân và hình ảnh khỏa thân của H3 lên trang mạng xã hội để buộc bà H3 trả nợ. Cuối ngày 25/3/2023, bà H3 chuyển khoản trả cho Q 750.000đ. Ngày 26/3/2023, bà H3 lại không tiếp tục trả

tiền cho Đ nên Đ tiếp tục hăm dọa bà H3. Đến ngày 27/3/2023, bà H3 chuyển khoản cho Q 750.000đ.

Đến ngày 28/3/2023, do bà H3 trả góp không đúng theo thỏa thuận nên Đ ép buộc H3 phải trả góp khoản vay lần vay 8 lại từ đầu (tổng số tiền phải trả là 17.250.000đ mà không tính tiền góp của 02 ngày đã trả trước) nhưng bà H3 không đồng ý. Do vậy, Đ điện thoại, nhắn tin chửi bới, đe dọa và gửi hình ảnh khỏa thân của H3 cho gia đình, bạn bè của bà H3; đồng thời, in hình khỏa thân của H3 ra giấy A4 gửi cho bà H3 với mục đích đe dọa bà H3 nếu không trả tiền sẽ dán ở nhà bà H3.

Vì lo sợ nên bà H3 đã nhiều lần chuyển tiền vào tài khoản của Q để trả tiền cho Đ như sau: Ngày 29/3/2023, chuyển 1.500.000đ để trả góp 02 ngày (ngày 28/3 và 29/3/2023); ngày 30/3/2023 chuyển 750.000đ; ngày 03/4/2023 chuyển 750.000đ. Sau đó, bà H3 không trả nữa nên Đ lại ép bà H3 trả góp lại từ đầu cho lần vay 8 nhưng bà H3 không đồng ý. Do vậy, Đ gửi hình ảnh khỏa thân của H3 cho bạn bè bà H3 rồi chụp ảnh màn hình điện thoại gửi cho bà H3 (nhưng Đ không nhớ đã gửi cho những ai, do Đ đã xóa dữ liệu điện thoại). Thấy vậy, H3 đồng ý trả góp lại từ đầu đối với khoản vay lần thứ 8 (tổng số tiền phải trả là 17.250.000đ), bắt đầu trả từ ngày 06/4/2023. Sau đó, bà H3 trả cho Đ được 3.000.000đ (tiền trả góp của các ngày 06/4/2023, 08/4/2023, 09/4/2023, 10/4/2023). Bà H3 thiếu chưa trả tiền góp của ngày 07/4/2023 nên Đ nhắc bà H3 phải trả nhưng bà H3 không trả. Ngày 10/4/2023, Đ nhắn tin qua nền tảng zalo cho bà Bùi Ngọc Cẩm V (bà ruột của bà H3) với nội dung "1 là trốn, còn không gặp thì đập cho vỡ mặt"; đồng thời, Đ đăng hình ảnh khỏa thân của H3 lên các hội nhóm trên facebook, zalo và gửi những hình ảnh khỏa thân cho bạn bè của H3 xem (do Đ đã xóa dữ liệu nên không nhớ gửi cho những ai và đăng hội nhóm nào), hăm dọa sẽ in hình ảnh ra giấy A4 gửi cho người thân của bà H3. Do vậy, ngày 11/4/2023 và 17/4/2023, bà H3 trả cho Đ 02 lần với tổng số tiền là 1.500.000đ. Thấy bà H3 vẫn chưa trả đủ nên Đ chưa xóa các bài đăng hình ảnh của H3 trên trang mạng xã hội. Sau đó, bà H3 khóa các tài khoản mạng xã hội, cắt liên lạc với Đ. Q cũng thực hiện theo yêu cầu của Đ là liên tục nhắn tin vào tài khoản zalo của bà H3 và yêu cầu bà H3 chuyển tiền cho Q để Q chuyển cho Đ.

Quá trình cho bà H3 vay tiền, Đ sử dụng tài khoản ngân hàng T6 số 19035873203012 (tài khoản của Đ); Q sử dụng tài khoản ngân hàng T6 (tài khoản của Q); bà H3 sử dụng tài khoản ngân hàng T6 (tài khoản của bà H3). Q là người bàu trách nhiệm nhận tiền trả góp và cưỡng đoạt của bà H3; sau đó, Q chuyển khoản trả cho Đ.

Tổng hợp 8 lần cho vay đã nêu, Đ và Q đã thu của bà H3 26.150.000đ, trong đó: Tiền lãi theo pháp luật cho phép là 2.038.247đ; tiền lãi và phí dịch vụ thu vượt quá quy định là 24.111.753đ. Tiền gốc ban đầu mà Đ và Q sử dụng để cho vay là 8.000.000đ. Số tiền gốc mà bà H3 còn chiếm giữ là 11.400.000đ. Đ và Q đe dọa ép buộc bà H3 phải trả 24.750.000đ nhưng bà H3 mới trả 12.000.000đ *(phần tiền này đã được tính vào phần tiền* 26.150.000đ *vừa nêu).*

Đối với bà Bùi Ngọc Cẩm V:

Ngày 06/03/2023, bà V liên hệ với Q để vay tiền, Quân báo cho Đ biết thì Đ nói với Q rằng "làm đi". Q là người thu thập hình ảnh khỏa thân, thông tin của V (thời điểm này, Đ đang ở tại Hà Nội). Tuy nhiên, Đ nói với Q rằng hiện tại chưa có tiền để cho vay, Q nói với Đ là Nguyễn Thành Đ1 (sinh năm: 1994; cư trú tại: thôn Đ, xã S, thị xã S, TP . Hà Nội) đang đi cùng Q và nói Đ nhờ Đ1 chuyển khoản cho V trước rồi sẽ trả lại sau. Nghe vậy, Đ gọi điện thoại cho Đ1, nhờ Đ1 chuyển khoản cho bà V, Đ1 đồng ý. Ngày 07/3/2023, Đ1 xin góp vốn 50% với Đ để cho bà V vay, Đ đồng ý. Sau đó, Đ và Đ1 tiếp tục chung vốn để cho V vay thêm ở những lần tiếp theo, Đ1 được hưởng 50% tiền thu lợi.

Lần thứ 1: Ngày 06/03/2023, bà V vay 10.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong vòng 25 ngày, mỗi ngày góp 500.000đ. Sau khi trừ trước 02 ngày tiền góp và 1.000.000đ phí dịch vụ, Đ1 chuyển khoản cho bà V 8.000.000đ. Bà V trả góp được 10 ngày với số tiền 5.000.000đ thì xin đáo hạn.

Lần thứ 2: Ngày 14/03/2023, Đ và Đ1 cho bà V vay 10.000.000đ, hình thức vay trả góp, trả trong 25 ngày, mỗi ngày góp 500.000đ. Bà V trả được 13 ngày với số tiền 6.500.000đ thì xin đáo hạn.

Lần thứ 3: Ngày 27/3/2023, Đ và Đ1 cho bà V vay 10.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 500.000đ. Bà V góp được 13 với 6.500.000đ thì xin đáo hạn.

Lần vay 4: Ngày 05/4/2023, bà V xin đáo hạn khoản vay. Đ cho bà V 10.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong vòng 25 ngày, mỗi ngày góp 500.000đ. Từ ngày 05/4/2023 đến ngày 10/4/2023, bà V không trả tiền đều đặn. Đô liên hệ với Đ và hỏi "Con V không trả tiền à" thì Đ nói "Nó trốn rồi, để em dọa phốt nó" thì Đ1 nói "ừ". Những ngày sau đó, Đ điện thoại, nhắn tin chửi bới, đe dọa và gửi hình ảnh khỏa thân của bà V lên mạng xã hội và gửi cho bạn bè, người thân của V nhằm gây áp lực ép buộc bà V trả nợ.

Đến ngày 13/4/2023, bà V đã góp được tổng cộng 06 ngày tương ứng với 3.000.000đ, thiếu nợ lại 4 ngày tiền góp nên Đ nhắn tin qua tài khoản zalo bắt ép bà V phải đóng tiền lại từ đầu, dọa bà V nếu không trả thì sẽ đăng hình ảnh khỏa thân của bà V lên mạng xã hội và gửi cho bạn bè, người thân của V. Do sợ nên bà nên bà V phải đồng ý.

Đến ngày 14/4/2023, bà V không trả tiền gốc và lãi nên Đ và Q bắt đầu chửi bới, hăm dọa V. Đ đăng hình ảnh khỏa thân của bà V lên mạng xã hội Facebook, gửi hình ảnh khỏa thân của Bùi Ngọc Diễm H3 (em ruột V) cho V để hăm dọa cả V và H3, nhằm ép bà V phải tiếp tục trả 11.500.000đ (đã trừ 02 ngày tiền góp đầu tiên). Ngày 15/4/2023, bà V chuyển khoản cho Q 500.000đ. Sau đó, bà V cắt liên lạc với Đ, không tiếp tục trả tiền.

Quá trình cho bà V vay tiền, Q là người nhận tiền chuyển khoản ngân hàng từ bà V. Số tiền thu được, Đức hưởng 50%, Đ1 50%.

Tổng hợp 4 lần cho vay đã nêu, Đ và Q thu của bà V tiền lãi và phí dịch vụ là 10.200.000đ, trong đó: Tiền lãi theo pháp luật cho phép là 1.092.383đ; tiền lãi và phí dịch vụ thu vượt quá quy định là 9.107.617đ. Số tiền gốc ban đầu các bị cáo sử dụng để cho vay là 8.000.000đ. Số tiền gốc mà bà V chưa trả là

9.200.000đ. Các bị cáo đe dọa cưỡng ép bà V phải trả 14.500.000đ nhưng bà V mới trả 3.500.000đ *(số tiền này đã được tính trong số tiền 10.200.000đ đã nêu).*

3. Hoàng Trọng Đ và Đỗ Hồng Q cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đối với bà Nguyễn Hồng L1:

Ngày 27/2/2023, bà L1 liên lạc với Q hỏi vay tiền. Q chủ động yêu cầu bà L1 đã cung cấp thông tin cá nhân, hình ảnh căn cước công dân, hình ảnh chân dung, hình ảnh khỏa thân của bà L1 cho Q, rồi gửi qua nền tảng Zalo cho Đ. Q trực tiếp gặp bà L1 tại phường A, quận B, giữ căn cước công dân của bà L1 và thông báo cho Đ. Với sự hỗ trợ của Q, Đ cho bà L1 vay tiền nhiều lần, cụ thể như sau:

Lần thứ 1: Ngày 27/2/2023, bà L1 vay 5.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 20 ngày, mỗi ngày góp 300.000đ. Sau khi trừ trước 02 ngày trả góp và tiền phí dịch vụ, Đ chuyển khoản cho bà L1 3.900.000đ. Bà L1 trả được 10 ngày tiền góp là 3.000.000đ thì xin đáo hạn.

Lần thứ 2: Ngày 06/3/2023, bà L1 vay 5.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 20 ngày, mỗi ngày góp 300.000đ. Bà L1 trả góp được 15 ngày là 4.500.000đ thì xin đáo hạn.

Lần thứ 3: Ngày 22/3/2023, Đ cho bà L1 vay 5.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 20 ngày, mỗi ngày 300.000đ. Bà L1 trả góp được 13 ngày là 3.900.000đ thì xin đáo hạn.

Lần vay 4: Ngày 04/4/2023, bà L1 vay 5.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 20 ngày, mỗi ngày góp 300.000đ. Bà L1 trả góp được 13 ngày là 3.900.000đ thì xin đáo hạn.

Lần vay 5: Ngày 18/4/2023, bà L1 vay 5.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 20 ngày, mỗi ngày góp 300.000đ. Do quá trình vay tiền bà L1 chậm đóng tiền một số ngày nên ngày 06/5/2023, Đ và Q yêu cầu bà L1 đóng phạt 200.000đ. Bà L1 trả góp được 13 ngày với số tiền là 3.900.000đ thì xin đáo hạn.

Lần vay 6: Ngày 06/5/2023, bà L1 vay 5.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 20 ngày, mỗi ngày góp 300.000đ. Bà L1 trả góp được 11 ngày là 3.300.000đ thì xin đáo hạn.

Lần thứ 7: Ngày 18/5/2023, bà L1 vay 5.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 20 ngày, mỗi ngày góp 300.000đ. Bà L1 trả góp được 13 ngày là 3.900.000đ thì xin đáo hạn.

Lần thứ 8: Ngày 01/6/2023, bà L1 vay 5.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 20 ngày, mỗi ngày 300.000đ. Bà L1 trả góp được 10 ngày thì xin đáo hạn.

Lần thứ 9: Ngày 13/6/2023, bà L1 vay 5.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 20 ngày, mỗi ngày góp 300.000đ. Bà L1 trả góp được hơn 10 ngày thì xin đáo hạn.

Lần thứ 10: Ngày 25/6/2023, bà L1 vay 5.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 20 ngày, mỗi ngày góp 300.000đ. Bà L1 trả góp được hơn 10

ngày thì xin đáo hạn.

Lần thứ 11: Ngày 08/7/2023, bà L1 vay 10.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 21 ngày, mỗi ngày góp 600.000đ. Bà L1 trả góp được hơn 10 ngày thì xin đáo hạn.

Lần thứ 12: Ngày 20/7/2023, bà L1 vay 10.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 21 ngày, mỗi ngày góp 600.000đ. Tính đến ngày 01/8/2023, bà L1 đã trả góp được 10 ngày với số tiền 6.000.000đ.

Tổng hợp 12 lần cho vay, Đ và Q thu của bà L1 lãi và phí dịch vụ là 17.788.095đ, trong đó: Số tiền lãi theo quy định của pháp luật cho phép là 788.082đ; số tiền lãi thu vượt quá quy định là 17.055.936đ. Số tiền gốc ban đầu mà Đ và Q sử dụng cho vay là 3.900.000đ. Số tiền gốc mà bà L1 còn chiếm giữ là 5.238.095đ.

4. Hoàng Trọng Đ cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đối với bà Nguyễn Thị T1 và bà Tô Ánh H4:

Đối với bà Nguyễn Thị T1:

Đầu tháng 8/2022, bà T1 gọi thoại và nhắn tin qua Z, F cho Đ hỏi vay tiền. Sau đó, Đ gặp bà T1 ở quán C1, số B T, phường A, quận G để thỏa thuận việc vay tiền. Đ yêu cầu bà T1 gửi hình CCCD và ảnh khỏa thân của bà T1 qua tài khoản Zalo cho Đ, bà T1 đồng ý. Đ cho bà T1 vay tiền nhiều lần như sau:

Lần thứ 1: Ngày 06/8/2022, bà T1 vay 10.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 500.000đ. Sau khi trừ trước 02 ngày tiền góp là 1.000.000đ và phí dịch vụ 1.000.000đ, Đ chuyển khoản cho cho bà T1 4.400.000đ và đưa thêm 3.600.000đ tiền mặt. Bà T1 trả góp được tổng 12 ngày là 6.000.000đ thì xin đáo hạn.

Lần thứ 2: Ngày 17/8/2022, bà T1 vay 10.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 500.000đ. Bà T1 trả góp được 12 ngày với số tiền 6.000.000đ thì xin đáo hạn.

Lần thứ 3: Ngày 29/8/2022, bà T1 vay 10.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 500.000đ. Bà T1 trả góp tổng cộng 14 ngày là 7.000.000đ thì xin đáo hạn.

Lần thứ 4: Ngày 12/9/2022, bà T1 vay 10.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 500.000đ. Bà T1 trả góp tổng cộng 14 ngày là 7.000.000đ thì xin đáo hạn.

Lần thứ 5: Ngày 26/9/2022, bà T1 vay 10.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 500.000đ. Bà T1 trả góp tổng cộng 11 ngày là 5.500.000đ thì xin đáo hạn.

Lần thứ 6: Ngày 06/10/2022, bà T1 vay 10.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 500.000đ. Bà T1 trả góp được tổng cộng 11 ngày là 5.500.000đ thì xin đáo hạn.

Lần thứ 7: Ngày 17/10/2022, bà T1 vay 10.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 500.000đ. Bà T1 trả góp được 10 ngày là 5.000.000đ thì xin đáo hạn.

Lần thứ 8: Ngày 26/10/2022, bà T1 vay 10.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 21 ngày, mỗi ngày góp 600.000đ. Bà T1 trả góp được 08 ngày là 4.800.000đ thì xin đáo hạn.

Lần thứ 9: Ngày 02/11/2022, bà T1 vay 10.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 21 ngày, mỗi ngày góp 600.000đ. Bà T1 trả góp được 10 ngày là 6.000.000đ thì xin đáo hạn.

Lần thứ 10: Ngày 04/11/2022, bà T1 vay 5.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 21 ngày, mỗi ngày góp 300.000đ. Đến ngày 22/11/2022, bà T1 tất toán.

Lần thứ 11: Ngày 11/11/2022, bà T1 vay 10.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 21 ngày, mỗi ngày góp 600.000đ. Bà T1 trả góp được 11 ngày là 6.600.000đ thì xin đáo hạn.

Lần thứ 12: Ngày 22/11/2022, bà T1 vay 10.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 20 ngày, mỗi ngày góp 600.000đ. Bà T1 trả góp được 07 ngày là 4.200.000đ thì xin đáo hạn.

Lần thứ 13: Ngày 28/11/2022, bà T1 vay 5.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 21 ngày, mỗi ngày góp 300.000đ. Bà T1 trả góp được 09 ngày là 2.700.000đ thì xin đáo hạn.

Lần thứ 14: Ngày 01/12/2022, bà T1 vay 10.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 20 ngày, mỗi ngày góp 600.000đ. Bà T1 trả góp được 11 ngày là 6.600.000đ thì xin đáo hạn.

Lần thứ 15: Ngày 10/12/2022, bà T1 vay 5.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 21 ngày, mỗi ngày góp 300.000đ. Bà T1 trả góp được 09 ngày là 2.700.000đ thì xin đáo hạn.

Lần thứ 16: Ngày 12/12/2022, bà T1 vay 10.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 20 ngày, mỗi ngày góp 600.000đ. Bà T1 trả góp được 08 ngày là 4.800.000đ thì xin đáo hạn.

Lần thứ 17: Ngày 19/12/2022, bà T1 vay 5.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 21 ngày, mỗi ngày góp 300.000đ. Bà T1 trả góp được 12 ngày là 3.600.000đ thì xin đáo hạn.

Lần thứ 18: Ngày 19/12/2022, bà T1 vay 10.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 20 ngày, mỗi ngày góp 600.000đ. Bà T1 trả góp được 12 ngày là 7.200.000đ thì xin đáo hạn.

Lần thứ 19: Ngày 01/01/2023, bà T1 vay 15.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 20 ngày, mỗi ngày góp 900.000đ. Đến ngày 19/01/2023, bà T1 tất toán.

Lần thứ 20: Ngày 03/2/2023, bà T1 vay 5.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 21 ngày, mỗi ngày góp 300.000đ. Bà T1 trả góp được 18 ngày là 5.400.000đ thì xin đáo hạn.

Lần thứ 21: Ngày 14/2/2023, bà T1 vay 5.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 21 ngày, mỗi ngày góp 300.000đ. Ngày 05/3/2023, bà T1 tất toán khoản vay.

Lần thứ 22: Ngày 20/2/2023, bà T1 vay 5.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 21 ngày, mỗi ngày góp 300.000đ. Ngày 11/3/2023, T1 tất toán.

Lần thứ 23: Ngày 15/3/2023, bà T1 vay 10.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 20 ngày, mỗi ngày góp 600.000đ. Đã tất toán.

Lần thứ 24: Ngày 23/3/2023, Đ cho T1 vay 10.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 20 ngày, mỗi ngày góp 600.000đ. T1 trả góp được 09 ngày thì xin đáo hạn.

Lần thứ 25: Ngày 25/3/2023, bà T1 vay 10.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 20 ngày, mỗi ngày góp 600.000đ. Bà T1 trả góp được 10 ngày là 6.000.000đ thì xin đáo hạn.

Lần thứ 26: Ngày 31/3/2023, bà T1 vay 10.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 500.000đ. Bà T1 trả góp được 16 ngày là 8.000.000đ thì xin đáo hạn.

Lần thứ 27: Ngày 05/4/2023, bà T1 vay 10.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 500.000đ. Ngày 25/4/2023, bà T1 tất toán.

Lần thứ 28: Ngày 14/4/2023, bà T1 vay 10.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 500.000đ. Bà T1 trả góp được 24 ngày thì xin đáo hạn.

Lần thứ 29: Ngày 27/4/2023, bà T1 vay 10.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 500.000đ. Bà T1 trả được 09 ngày thì xin đáo hạn.

Lần thứ 30: Ngày 07/5/2023, bà T1 vay 20.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 1.000.000đ. Bà T1 góp được 14 ngày thì xin đáo hạn.

Lần thứ 31: Ngày 23/5/2023, bà T1 vay 20.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 1.000.000đ. Tổng số tiền bà T1 phải trả là 26.500.000đ (do còn thiếu nợ của các khoản vay trước). Trong lần vay này, mặc dù thỏa thuận vay trong 25 ngày nhưng do bà T1 không có tiền để trả nên đã nhiều lần năn nỉ Đ cho nợ. Do vậy, từ ngày 16/6/2023, bà T1 tiếp tục trả tiền cho Đ cho đến ngày 29/6/2023 thì tất toán. Như vậy, trong lần vay này, thỏa thuận thực tế là Đ cho bà T1 vay 20.000.000đ, trả góp trong 38 ngày, số tiền góp mỗi ngày tương ứng 657.894,730đ.

Lần thứ 32: Ngày 14/6/2023, bà T1 vay 20.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 1.000.000đ. Bà T1 trả được 12 ngày thì xin đáo hạn.

Lần thứ 33: Ngày 12/7/2023, bà T1 vay 20.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 1.000.000đ. Đến ngày 29/7/2023, bà T1 trả cho Đ được 18 ngày là 18.000.000đ.

Tổng hợp 33 lần cho vay, Đ thu của bà T1 tiền lãi và phí dịch vụ là 96.000.000đ, trong đó: Tiền lãi theo pháp luật dân sự cho phép 4.458.849đ; tiền lãi và phí dịch vụ thu vượt quá quy định là 91.541.151đ. Số tiền gốc ban đầu mà Đ sử dụng để cho vay là 8.000.000đ. Số tiền gốc mà bà T1 còn chiếm giữ là 5.600.000đ.

Đối với bà Tô Ánh H4:

Ngày 30/5/2022, bà H4 hỏi vay tiền của Đ. Đ yêu cầu H4 cung cấp thông tin nơi ở, chụp hình chân dung và chụp hình căn cước công dân của H4. Sau đó, Đ trực tiếp đến nơi ở của bà H4 để xác minh và cho bà H4 vay như sau:

Lần thứ 1: Ngày 30/5/2022, bà H4 vay 5.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 21 ngày, mỗi ngày góp 300.000đ. Sau khi trừ trước 02 ngày trả góp và tiền phí dịch vụ, Đ đưa cho bà H4 3.900.000đ. Bà H4 trả góp được 13 ngày là 3.900.000đ thì xin đáo hạn.

Lần thứ 2: Ngày 08/6/2022, bà H4 vay 6.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 50 ngày, mỗi ngày góp 124.000đ. Ngày 29/7/2022, bà H4 tất toán khoản vay.

Tổng hợp 02 lần vay, Đ thu của bà H4 tiền lãi và phí dịch vụ là 2.250.000đ, trong đó: Tiền lãi theo pháp luật dân sự cho phép là 221.918đ; tiền lãi và phí thu vượt quá quy định là 2.028.082đ. Số tiền gốc mà Đ sử dụng làm phương tiện cho vay là 9.900.000đ.

5. Phùng Quang H đã có hành cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự và cưỡng đoạt tài sản đối với bà Nguyễn Thị T1:

Ngày 20/9/2022, bà T1 đã liên lạc với H để hỏi vay tiền. Sau đó, theo yêu cầu của H, bà T1 sử dụng tài khoản Zalo của mình gửi cho H thông tin trang cá nhân Facebook, hình ảnh Căn cước công dân, hình ảnh khỏa thân và hình ảnh chân dung của bà T1, bằng lái xe của bà T1. H đã cho bà T1 vay tiền 25 lần, cụ thể như sau:

Lần thứ 1: Ngày 20/9/2022, bà T1 vay 5.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 250.000đ. Sau khi trừ phí dịch vụ 500.000đ và trừ trước 02 ngày tiền góp là 500.000đ, H chuyển khoản cho bà T1 4.000.000đ. Bà T1 trả góp được tổng cộng 11 ngày thì xin đáo hạn.

Lần thứ 2: Ngày 30/9/2022, bà T1 vay 5.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 250.000đ. Tuy nhiên, ngày 01/10/2022, bà T1 muốn tất toán, bà T1 thương lượng lại số ngày trả góp là 22 ngày, tổng tiền gốc và lãi T1 trả cho bị cáo là 5.500.000đ, H đồng ý.

Lần thứ 3: Ngày 02/10/2022, bà T1 vay 5.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 250.000đ. T1 trả góp được 10 ngày thì xin đáo hạn.

Lần thứ 4: Ngày 13/10/2022, bà T1 vay 5.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 250.000đ. Bà T1 trả góp được 10 ngày thì xin đáo hạn.

Lần thứ 5: Ngày 24/10/2022, bà T1 vay 7.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 350.000đ. Bà T1 trả góp được 8 ngày là 2.800.000đ thì xin đáo hạn.

Lần thứ 6: Ngày 03/11/2022, bà T1 vay 7.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 350.000đ. Bà T1 trả góp được 9 ngày là 3.150.000đ thì xin đáo hạn.

Lần thứ 7: Ngày 12/11/2022, bà T1 vay 10.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 20 ngày, mỗi ngày góp 600.000đ. Bà T1 trả góp được 10 ngày là 6.000.000đ thì xin đáo hạn.

Lần thứ 8: Ngày 23/11/2022, bà T1 vay 10.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 20 ngày, mỗi ngày góp 600.000đ. Bà T1 trả góp được 7 ngày là 4.200.000đ thì xin đáo hạn.

Lần thứ 9: Ngày 08/12/2022, bà T1 vay 10.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 20 ngày, mỗi ngày góp 600.000đ. Bà T1 trả góp được 11 ngày là 6.600.000đ thì xin đáo hạn.

Lần thứ 10: Ngày 26/12/2022, bà T1 vay 10.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 20 ngày, mỗi ngày góp 600.000đ. Bà T1 trả góp được 12 ngày là 7.200.000đ thì xin đáo hạn.

Lần thứ 11: Ngày 14/01/2023, bà T1 vay 10.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 20 ngày, mỗi ngày góp 600.000đ. Bà T1 trả góp được 18 ngày là 10.800.000đ thì xin đáo hạn.

Lần thứ 12: Ngày 01/02/2023, bà T1 vay 10.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 20 ngày, mỗi ngày góp 600.000đ. Đến ngày 20/01/2023, bà T1 trả đủ tiền và tất toán.

Lần thứ 13: Ngày 07/02/2023, bà T1 vay 5.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 20 ngày, mỗi ngày góp 300.000đ. Đến ngày 27/2/2023, bà T1 trả đủ tiền và tất toán.

Lần thứ 14: Ngày 27/2/2023, bà T1 vay 10.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 20 ngày, mỗi ngày góp 600.000đ. Thủy trả góp được 13 ngày là 7.800.000đ thì xin đáo hạn.

Lần thứ 15: Ngày 10/3/2023, bà T1 vay 5.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 20 ngày, mỗi ngày góp 300.000đ. Bà T1 trả góp được 15 ngày là 4.500.000đ thì xin đáo hạn.

Lần thứ 16: Ngày 12/3/2023, bà T1 vay 10.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 20 ngày, mỗi ngày góp 600.000đ. Bà T1 trả góp được 16 ngày là 9.600.000đ thì xin đáo hạn.

Lần thứ 17: Ngày 17/3/2023, bà T1 vay 10.000.000đ, với hình thức vay đứng, trả lãi 10 ngày 01 lần là 1.500.000đ. Sau khi trừ phí dịch vụ 500.000đ, trừ trước 10 ngày tiền lãi là 1.500.000đ, H chuyển khoản cho bà T1 8.000.000đ. Tổng cộng, bà T1 trả 08 lần tiền lãi tương đương số tiền 12.000.000đ. Ngày 12/6/2023, bà T1 đã gộp khoản tiền này cùng tiền lãi còn nợ H trong các khoản vay khác để đáo hạn thành khoản vay lần thứ 25, vay 42.000.000đ (lần vay 25).

Lần thứ 18: Ngày 23/3/2023, bà T1 vay 5.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 20 ngày, mỗi ngày góp 300.000đ. Thủy trả góp được 12 ngày là 3.600.000đ thì xin đáo hạn.

Lần thứ 19: Ngày 25/3/2023, bà T1 vay 5.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 20 ngày, mỗi ngày góp 300.000đ. Bà T1 trả góp được 10 ngày là 3.000.000đ thì xin đáo hạn.

Lần thứ 20: Ngày 28/3/2023, bà T1 vay 10.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 20 ngày, mỗi ngày góp 600.000đ. Bà T1 trả góp được 11 ngày là 6.600.000đ thì xin đáo hạn.

Lần thứ 21: Ngày 07/4/2023, bà T1 vay 10.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 20 ngày, mỗi ngày góp 600.000đ. Bà T1 trả góp được 7 ngày là 4.200.000đ thì xin đáo hạn.

Lần thứ 22: Ngày 08/4/2023, bà T1 vay 10.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 20 ngày, mỗi ngày góp 600.000đ. Bà T1 trả góp được 6 ngày là 3.600.000đ thì xin đáo hạn.

Lần thứ 23: Ngày 19/4/2023, bà T1 vay 10.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 20 ngày, mỗi ngày góp 600.000đ. Ngày 12/6/2023, bà T1 xin đáo hạn.

Lần thứ 24: Ngày 19/4/2023, bà T1 vay 10.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 20 ngày, mỗi ngày góp 600.000đ. Ngày 12/6/2023, bà T1 xin đáo hạn.

Lần thứ 25: Ngày 12/6/2023, H và bà T1 có trao đổi và xác nhận số tiền gốc và lãi mà bà T1 còn nợ H của các lần vay 17, 23, 24 là 42.000.000đ. Sau khi thương lượng, H đồng ý cho T1 gộp số tiền còn thiếu để chuyển sang lần vay này. Theo thỏa thuận, bà T1 vay 42.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 50 ngày, mỗi ngày góp 1.000.000đ.

Tuy nhiên, từ ngày 12/6/2023 đến ngày 18/6/2023, bà T1 chỉ trả được 3.000.000đ. Do vậy, ngày 28/6/2023, H bắt đầu nhắn tin uy hiếp, hăm dọa bà T1 sẽ đăng tải thông tin, hình ảnh của T1 lên các trang mạng xã hội. Mặc dù bà T1 hứa hẹn sẽ trả tiền cho H và xin chậm trả nhưng H không đồng ý. Đến tối ngày 29/6/2023, H gửi các hình ảnh khỏa thân của bà T1, hình ảnh thông tin trang cá nhân Facebook "Ngọc Thủy" của T1 vào cuộc hội thoại Zalo giữa H và T1, kèm lời hăm dọa sẽ đăng tải lên các trang mạng xã hội; đồng thời, H liên tục

gọi thoại, nhắn tin zalo chửi bà T1. Bà T1 năn nỉ H đăng và nói nếu đăng tải hình ảnh đã nêu sẽ làm mất danh dự bà T1, bà T1 sẽ trình báo Công an nhung H10 vẫn không đồng ý. Tối ngày 01/7/2023, H chụp màn hình bài soạn thảo có hình ảnh khỏa thân, căn cước công dân và thông tin cá nhân của T1 mà H làm trên Facebook, rồi gửi vào tin nhắn zalo cho bà T1, kèm lời hăm dọa yêu cầu T1 trả tiền. Sau đó, bà T1 chuyển khoản cho H 1.000.000đ vào ngày 03/7/2023. Tiếp theo đó, bà T1 lại không trả tiền nên H tiếp tục hăm dọa, chửi bới. Do vậy, vào 12/7/2023 và ngày 21/7/2023, bà T1 chuyển khoản cho H 02 lần với tổng số tiền là 2.000.000đ.

Tổng hợp 25 lần cho vay, H đã thu của bà T1 tiền lãi và phí dịch vụ là 53.530.000đ, trong đó: Tiền lãi theo quy định pháp luật dân sự cho phép là 4.750.422đ; tiền lãi và phí thu vượt quá quy định là 48.779578đ. Số tiền gốc mà bà T1 còn chiếm giữ là 39.480.000đ. Số tiền gốc ban đầu mà H sử dụng cho vay là 4.000.000đ. H đã có hành vi đe dọa cưỡng ép buộc bà T1 phải trả 47.000.000đ nhưng bà T1 chỉ trả 3.000.000đ (số tiền này đã được tính trong số tiền 53.530.000đ đã đề cập).

6. Phùng Quang H và Nguyễn Văn L cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự và cưỡng đoạt tài sản đối bà Trần Thị Tuyết N1 và bà Nguyễn Nhã L2:

Đối với bà Trần Thị Tuyết N1:

Ngày 11/6/2023, bà N1 liên hệ với L để hỏi vay tiền. Sau khi L tự thỏa thuận với N1 và nhắn tin cho H để H xác minh xem bà N1 có dính nợ xấu hoặc đã vay bên nhóm Hoàng Trọng Đ hay chưa. Tiếp theo đó, L thu thập thông tin cá nhân, hình ảnh Căn cước công dân, ảnh chân dung, hình ảnh, clip khỏa thân của N1 rồi gửi cho H cùng lưu giữ. Đồng thời, L cũng là người đi khảo sát nơi ở và giữ Căn cước công dân của bà N1 rồi mang về đưa lại cho H. L và H đồng ý cho N1 vay 10.000.000đ, hình thức vay trả góp trong 24 ngày, mỗi ngày góp 500.000đ. Sau khi trừ phí dịch vụ 1.000.000đ và trả trước 02 ngày tiền góp là 1.000.000đ, H chuyển 8.000.000đ vào tài khoản 603093027600001 của bà N1 mở tại N7. Khi trả tiền cho L và H, bà N1 chuyển khoản vào tài khoản 0931004208904 của H mở tại V3. Từ ngày 11/6/2023 đến ngày 22/6/2023, bà N1 đã chuyển khoản và đưa cho L và H 6.500.000đ (đã bao gồm 02 ngày tiền góp trả trước mà L đã thu). Từ ngày 23/6/2023 đến ngày 03/7/2023, bà N1 không trả tiền gốc và lãi, mặc dù L và H nhắn tin nhiều lần yêu cầu bà N1 trả tiền. Ngày 03/7/2023, L và H bắt đầu hăm dọa sẽ đăng tải hình ảnh khỏa thân của bà N1 lên mạng xã hội. Bà N1 năn nỉ cho nợ lại nhưng sau đó bà N1 vẫn không trả. Do vậy, ngày 05/7/2023, L sử dụng tài khoản Facebook "Người Dưng" gửi hình ảnh, thông tin cá nhân của N1, kèm nội dung bôi nhọ danh dự N1 vào F của bà N1. Bà N1 nhiều lần năn nỉ cho nợ tiền, nhưng L và H không đồng ý. L liên tục nhắn tin hăm dọa qua các trang mạng xã hội. Do bà N1 không có phản hồi nên L đã tạo bài viết trên Facebook với nội dung sai sự thật về N1 và kèm hình ảnh khỏa thân, hình ảnh thông tin cá nhân của N1, rồi chụp màn hình gửi cho bà N1 vào ngày 12/7/2023.

Trong qua trình cho bà N1 vay tiền, L và H đã thu của bà N1 7.500.000đ (gồm 6.500.000đ tiền gốc và lãi, 1.000.000đ phí dịch vụ). Đến ngày 01/8/2023, theo thỏa thuận thì bà N1 còn nợ 4.583.333đ tiền gốc.

Tổng hợp quá trình cho bà N1 vay, L và H đã thu của bà N1 tiền lãi và phí dịch vụ là 2.083.333đ, trong đó: Tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 231.964đ; tiền lãi, phí thu vượt quá quy định là 1.911.644đ; số tiền gốc bà N1 đã trả trả là 5.416.666đ. Số tiền gốc mà H sử dụng làm phương tiện cho vay là 8.000.000đ. Bà N1 còn chiếm giữ số tiền gốc là 4.583.333đ; H và L đe dọa buộc bà N1 phải trả 6.000.000đ tiền gốc và lãi nhưng bà N1 không trả.

Đối với bà Nguyễn Nhã L2:

Vào ngày 15/4/2023, bà L2 liên hệ với L qua Facebook để vay tiền. L yêu cầu L2 kết bạn zalo để trao đổi. Sau đó, L thông báo cho H biết để xác minh thông tin của bà L2. L yêu cầu bà L2 kết bạn zalo với H để H và L cùng nắm thông tin của bà L2. Sau khi L thu thập thông tin cá nhân, hình ảnh Căn cước công dân, hình ảnh, video clip khỏa thân của bà L2 thì L chuyển cho H. L và H cho bà L2 vay tiền 02 lần như sau:

Lần thứ 1: Ngày 15/4/2023, bà L2 10.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 500.000đ. Sau khi trừ phí dịch vụ 1.000.000đ và trừ trước 02 ngày tiền góp là 1.000.000đ, H chuyển khoản cho bà L2 8.000.000đ.

Lần thứ 2: Ngày 01/5/2023, bà L2 vay 10.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 500.000đ. Sau khi trừ số tiền bà L2 còn nợ lần vay trước là 5.000.000đ, trừ trước tiền góp 01 ngày là 500.000đ, H chuyển khoản cho bà L2 4.500.000đ. Sau đó, bà L2 chỉ trả thêm 2.000.000đ (tổng tiền đã trả là 2.500.000đ). Theo thỏa thuận thì bà L2 còn nợ 10.000.000đ. Ngày 07/5/2023, L và H thống nhất rồi nhắn tin chửi bới, hăm dọa bà L2 để đòi tiền. L sử dụng tài khoản Facebook "Người Dưng" bình luận vào bài viết tài khoản Facebook "Hồng Nhung" (bạn của bà L2) hình ảnh khỏa thân của bà L2, đăng tải lên trang Facebook "Linh Linh" của bà L2 các hình ảnh khỏa thân, hình ảnh thông tin cá nhân của L2. Do vậy, cùng ngày 07/5/2023, bà L2 đã chuyển khoản cho H và L 1.000.000đ (tiền phạt trả tiền trễ hạn theo yêu cầu của L và H) thì L xóa hình khỏa thân của L2 trên mạng xã hội. Bà L2 tiếp tục trả tiền góp cho H và L được thêm 2 ngày với tổng số tiền là 1.000.000đ, rồi lại không trả. Giữa tháng 5/2023 L tiếp tục sử dụng tài khoản Facebook "Người Dưng" đăng hình ảnh khỏa thân của L2 kèm nội dung đòi nợ lên trang Facebook cá nhân của L. Thấy vậy, bà L2 tiếp tục đóng 1.000.000đ (tiền phạt do trả tiền trễ hạn theo yêu cầu của H và L) nên L xóa bài đăng trên Facebook. Sau đó, bà L2 lại hứa hẹn nhưng không trả tiền nên L và H liên tục gọi điện, nhắn tin hăm dọa, thì ngày 26/5/2023 và ngày 27/5/2023, bà L2 chuyển khoản cho H và L 1.500.000đ (tương ứng với 03 ngày tiền góp). Sau đó, bà L2 lại không trả tiền, L tiếp tục đăng tải bài viết kèm hình ảnh khỏa thân của L2 lên trang Facebook của L, gửi hình ảnh do L tạo có hình ảnh khỏa thân, thông tin của bà L2 trên trang facebook đến tài khoản zalo và Messenger F của bà L2 vào ngày 27/6/2023 và 05/7/2023. Sau đó, bà L2 đã khóa trang Facebook cá nhân, còn L thì liên tục

nhắn tin vào tài khoản Zalo của bà L2 để đòi nợ và đe dọa đăng tải hình ảnh khỏa thân của L2 vào các hội nhóm trên trang nền tảng Facebook, Zalo.

Tổng hợp 2 lần cho vay, L và H thu của bà L2 tiền gốc, tiền phí, tiền lãi và tiền phạt là 9.500.000.000đ, trong đó: Tiền lãi theo quy định của pháp luật cho phép là 550.137đ; tiền lãi, tiền phí và tiền phạt thu trái pháp luật là 3.449.863đ. Tiền gốc bà L2 còn chiếm giữ là 8.000.000đ. Số tiền gốc ban đàu các bị cáo sử dụng để cho vay là 8.000.000đ. Các bị cáo đe dọa cưỡng ép bà L2 trả phải 12.000.000đ tiền gốc, lãi, phí và tiền phạt, bà L2 đã trả 4.500.000đ (số tiền này đã được tính trong số tiền 9.500.000đ đã đề cập).

7. Phùng Quang H và Nguyễn Văn L cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đối với bà Phạm Thị Như Ý, bà Dương Quỳnh N2, bà Nguyễn Hoàng Ngọc P, bà Cầm Thị V1, bà Lai Huỳnh Thanh T2 và bà Đỗ Thị Thùy L3.

Đối với bà Phạm Huỳnh Như Ý1:

Ngày 18/7/2023, L và H cho bà Ý vay 5.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 24 ngày, mỗi ngày góp 250.000đ (trong đó có 41.666đ tiền lãi và 208.444đ). Sau khi trừ phí dịch vụ 500.000đ, trừ trước 02 ngày tiền góp 500.000đ, H chuyển khoản 4.000.000đ cho Ý.

Trong quá trình cho vay, L và H đã thu của bà Ý là 2.250.000đ, trong đó: Tiền gốc đã thu là 1.458.333đ; tiền lãi, phí dịch vụ đã thu là 791.667đ. Tiền lãi được thu theo quy định của pháp luật dân sự là 36.644đ; tiền lãi, phí dịch vụ thu vượt quá quy định 755.023đ. Tiền gốc bà Ý còn chiếm giữ là 3.541.667đ.

Đối với bà Dương Huỳnh N3:

Ngày 18/6/2023, bà N3 chủ động liên hệ với L để hỏi vay tiền. L và H thống nhất cho vay.

Lần thứ 1: Ngày 18/6/2023, bà N3 vay 5.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 250.000đ. Sau khi trừ phí dịch vụ 500.000đ, thu trước 02 ngày tiền góp là 500.000đ, H chuyển khoản cho bà N3 4.000.000đ. Khoản vay này đã tất toán. Tổng số tiền các bị cáo đã thu về tiền gốc, lãi và phí là 6.5000.000đ

Lần thứ 2: Ngày 06/07/2023, bà N3 vay 7.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 350.000đ. Sau khi trừ trước 02 ngày tiền góp là 700.000đ, trừ 450.000đ tiền phí dịch vụ, L chuyển khoản cho bà N3 4.100.000đ. Sau đó, bà N3 trả góp tổng cộng được 5.700.000đ (gồm 4.200.000đ tiền gốc, 1.050.000đ tiền lãi, 450.000đ tiền phí dịch vụ).

Tổng hợp 2 lần cho vay, L và H đã thu của bà N3 là 12.200.000đ, gồm: Tiền gốc là 9.200.000đ; tiền lãi được thu theo quy định của pháp luật là 145.972đ; tiền lãi, phí đã thu vượt quá quy định là 2.854.028đ. Bà N3 còn chiếm giữ 2.800.000đ.

Đối với bà Nguyễn Hoàng Ngọc P:

Ngày 25/7/2023, L và H cho bà P vay 5.000.000đ, hình thức vay trả góp,

góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 250.000đ. Sau khi trừ 500.000đ tiền phí dịch vụ, thu trước 02 ngày tiền góp là 500.000đ, H chuyển khoản ngân hàng cho bà P số tiền 4.000.000đ. Đến ngày 28/7/2023, P mới trả được tổng cộng 1.500.000đ (gồm 04 ngày tiền gốc và lãi trả góp, bao gồm cả 02 ngày thu trước; 500.000 đồng tiền phí dịch vụ).

Trong quá trình cho vay, L và H đã thu của bà P 1.500.000đ, trong đó: tiền gốc là 800.000đ; tiền lãi và phí là 700.000đ. Số tiền lãi được thu theo quy định của pháp luật dân sự là 22.466đ. Số tiền lãi, phí thu vượt quá quy định là 677.534đ. Bà N3 còn chiếm giữ 4.200.000đ tiền gốc.

Đối với bà Cầm Thị V1:

Ngày 01/6/2023, H và L cho bà V1 vay 10.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 500.000đ. Sau khi trừ phí dịch vụ 1.000.000đ và trừ trước 02 ngày trả góp là 1.000.000đ, H chuyển khoản cho bà V1 8.000.000đ. Tổng số tiền V1 phải trả là 13.500.000đ. Đến ngày 14/6/2023, bà V1 tất toán khoản vay.

Trong quá trình cho vay, L và H đã thu của bà V1 13.500.000đ tiền gốc, lãi và phí. Số tiền lãi, phí đã thu 3.500.000đ, trong đó: tiền lãi được thu theo quy định là 136.986đ; tiền lãi và phí thu vượt quá quy định là 3.363.014đ. Số tiền sử dụng phương tiện cho vay là 8.000.000đ.

Đối với bà Lai Huỳnh Thanh T2

Lần thứ 1: Ngày 16/6/2023, bà T2 vay 5.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 250.000đ. Sau khi trừ 500.000đ tiền phí dịch vụ và 500.000đ tiền trả góp trước 02 ngày, H chuyển khoản cho bà T2 4.000.000đ. Tổng số tiền T2 phải trả là 6.750.000đ. Thủy trả góp được 20 ngày là 5.000.000đ thì xin đáo hạn sang lần vay 2 (tất toán khoản vay).

Lần thứ 2: Ngày 11/7/2023, bà T2 vay 5.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 250.000đ. Tổng tiền T2 phải trả là 6.500.000đ. Bà T2 trả góp được 19 ngày là 4.750.000đ và đóng 250.000đ phí dịch vụ.

Tổng hợp 02 lần cho vay, L và H đã thu của bà T2 11.750.000đ, trong đó: Tiền gốc đã thu là 8.800.000đ; số tiền lãi, phí đã thu là 2.950.000đ. Tiền lãi được thu theo quy định là 123.178đ. Tiền lãi, phí đã thu vượt quá quy định là 2.826.822đ. Bà V1 còn chiếm giữ 1.200.000đ tiền gốc.

Đối với bà Đỗ Thị Thùy L3:

Lần thứ 1: Ngày 13/6/2023, bà L3 vay 5.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 250.000đ. Sau khi trừ 500.000đ tiền phí dịch vụ và 500.000đ tiền trả góp trước 02 ngày, H chuyển khoản cho bà L3 2.750.000đ, L chuyển khoản cho bà L3 1.250.000đ. Tổng số tiền L3 phải trả là 6.750.000đ. Bà L3 trả góp được 22 ngày là 5.500.000đ và 500.000đ phí dịch vụ thì xin đáo hạn sang lần vay 2.

Lần thứ 2: Ngày 05/7/2023, bà L3 vay 5.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 250.000đ. Tổng tiền L3 phải trả là 6.500.000đ. Bà L3 trả góp đến ngày 28/7/2023 thì tất toán khoản vay.

Tổng hợp 02 lần cho vay, L và H đã thu của bà L3 13.250.000đ, trong đó tiền lãi, phí đã thu là 3.250.000đ. Số tiền lãi được thu theo quy định là 136.986đ. Số tiền lãi, phí thu vượt quá quy định: 3.113.014đ. Số tiền ban đầu sử dụng cho vay là 4.000.000đ.

8. Phùng Quang H, Nguyễn Hoàng A và Nguyễn Văn L có hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đối với bà Đặng Thị Quỳnh N4, bà Võ Thị H5, ông Nguyễn Xuân H6:

H và Hoàng A cho những người bỏ tiền ra cho vay; L là người được H và Hoàng A thuê 6.000.000đ để làm nhiệm vụ thu tiền của những người vay.

Đối với bà Đặng Thị Quỳnh N4 và ông Phạm Ngọc Q1:

Ngày 14/7/2023, các bị cáo cho bà N4 và chồng là ông Q1 vay 100.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 5.000.000đ. Sau khi trừ tiền phí cho vay 10.000.000đ và thu trước 02 ngày tiền góp là 10.000.000đ, Hoàng A chuyển khoản cho ông Q1 80.000.000đ. Tổng tiền phải đóng theo thỏa thuận kèm theo phụ phí là 135.000.000đ.

Bà N4 đã trả cho các bị cáo 60.000.000đ (gồm 50.000.000đ tiền gốc và tiền lãi; 10.000.000đ tiền phí dịch vụ).

Trong quá trình cho vay, các bị cáo đã thu của bà N4 và ông Q1 là 60.000.000đ, trong đó: phí cho vay là 10.000.000đ; tiền lãi là 10.000.000đ, tiền gốc thu hồi là 40.000.000đ. Số tiền lãi được thu theo quy định là 1.369.863đ. Số tiền lãi và phí thu vượt quá quy định là 18.630.000đ. Số tiền gốc mà bà N4 và ông Q1 còn chiếm giữ là 60.000.000đ. Tiền làm phương tiện cho vay các bị cáo đã thu về là 40.000.000đ.

Đối với Bà Võ Thị H5:

Ngày 18/6/2023, các bị cáo cho bà H5 vay 40.000.000đ, hình thức vay đứng, 5 ngày trả lãi một lần là 2.000.000đ. Sau khi thu phí dịch vụ là 4.000.000đ, Hoàng A chuyển khoản cho bà H5 36.000.000đ. Đến ngày 26/7/2023, bà H5 trả được 14.000.000đ).

Như vậy, quá trình cho vay, các bị cáo đã thu của bà H5 18.000.000đ, trong đó: Tiền lãi được thu theo quy định là 964.384đ; tiền lãi và phí thu vượt quá quy định là 17.035.616đ. Số tiền gốc mà bà H5 còn chiếm giữ là 40.000.000đ;

Đối với ông Thái Xuân H7:

Lần thứ 1: Ngày 21/06/2023, các bị cáo cho ông H7 vay 35.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 1.750.000đ. Sau khi trừ phí dịch vụ 1.000.000đ và thu trước tiền góp 02 ngày là 3.500.000đ, Hoàng A chuyển khoản cho ông H7 30.500.000đ. Ngày 11/07/2023, ông H7 xin đáo hạn.

Lần thứ 2: Ngày 11/07/2023,ông H7 xin đáo hạn khoản vay 1, các bị cáo cho ông35.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 1.750.000đ. Đến ngày 25/07/2023, ông H7 xin đáo hạn, chuyển sang lần vay thứ 4.

Lần thứ 3: Ngày 20/7/2023,ông H7 vay 10.000.000đ, hình thức vay đứng, tiền lãi mỗi ngày là 150.000đ, cứ 15 ngày thu lãi một lần là 1.500.000đ. Sau khi trừ tiền phí dịch vụ 500.000đ, thu trước tiền lãi 15 ngày là 1.500.000đ, trừ 01 ngày tiền góp của lần vay thứ 2 còn thiếu là 1.750.000đ, Hoàng A chuyển khoản cho ông H7 6.250.000đ. Ông H7 đã mới trả được 2.000.000đ (gồm 1.500.000đ tiền lãi và 500.000đ phí dịch vụ).

Lần thứ 4: Ngày 25/7/2023,ông H7 xin đáo hạn khoản vay lần vay 2 và vay lần thứ 4. Ông H7 vay 35.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 1.750.000đ. Ông H7 đã trả được 6.750.000đ (gồm: 5.000.000đ tiền gốc và lãi trả góp; 1.750.000đ tiền phí dịch vụ).

Tổng hợp 04 lần cho vay, số tiền các bị cáo cho vay là 115.000.000đ (nhưng thực tế tiền gốc sử dụng cho vay là 30.500.000đ). Tổng số lãi và phí dịch vụ đã thu là 25.000.000đ, trong đó: Tiền lãi được phép thu theo quy định là 1.180.822đ; tiền lãi và phí thu vượt quá quy định là 23.819.178đ. Số tiền gốc mà ông H7 còn chiếm giữ là 41.000.000đ;

9. Nguyễn Hoàng A đã có hành vi cho vay lãi nặng đối với bà Phạm Thị Thùy T3, ông Phạm Hoàng N5, bà Lê Thị V2, bà Điền Thị T4, bà Biện Thanh Y, bà Mai Thanh T5, bà Văn Thị Thanh H8, ông Võ Thanh Thiên Â, bà Nguyễn Ngọc Kim Â1.

Đối với bà Phạm Thị Thùy T3:

Lần thứ 1: Vào ngày 02/11/2021, bà T3 vay 10.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 25 ngày, mỗi góp 500.000đ. Sau khi trừ tiền phí dịch vụ và trả trước 02 ngày tiền góp, Hoàng A đưa cho bà T3 8.500.000đ. Sau đó, ngày 23/11/2021, bà T3 xin đáo hạn.

Lần thứ 2: Ngày 23/11/2021, bà T3 đáo hạn lần 1, bà T3 vay lại 10.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 25 ngày, mỗi góp 500.000đ. Đến ngày 06/12/2021, bà T3 xin đáo hạn.

Lần thứ 3: Ngày 06/12/2021, T3 đáo hạn lần vay thứ 2, bà T3 vay lại 10.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 25 ngày, mỗi góp 500.000đ. Ngày 20/12/2021, bà T3 xin đáo hạn.

Lần thứ 4: Ngày 20/12/2021, bà T3 đáo hạn lần 3 và vay lần thứ 4, bà T3 vay lại 10.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 25 ngày, mỗi góp 500.000đ. Sau đó, bà T3 đã tất toán khoản vay.

Lần thứ 5: Vào 16/7/2022, bà T3 vay 20.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 1.000.000đ. Ngày 19/8/2022, bà T3 xin đáo hạn.

Lần thứ 6: Ngày 19/8/2022, T3 đáo hạn lần vay 5, nghĩa là vay 20.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày, mỗi ngày đóng 1.000.000 đồng, tổng cộng số tiền lãi và gốc T3 phải trả cho bị cáo là 25.000.000đ. Sau đó T3 đã tất toán khoản vay.

Lần thứ 7: ngày 09/12/2022, T3 tiếp tục vay số tiền 5.000.000 đồng, bị cáo cho T3 trả góp trong 25 ngày, mỗi ngày đóng 250.000 đồng, tổng cộng số

tiền lãi và gốc T3 phải trả là 6.250.000 đồng. Ngày 16/12/2022, bà T3 xin đáo hạn.

Lần thứ 8: Ngày 16/12/2022, T3 đáo hạn lần vay 7 và vay lần thứ 8, bà T3 vay 5.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 25 ngày, mỗi góp 250.000đ. Sau đó, bà T3 đã tất toán.

Lần thứ 9: Vào ngày 22/3/2023, bà T3 vay 8.000.000đ, hình thức vay đứng, tiền lãi mỗi ngày là 80.000đ, cứ 10 ngày thì trả lãi 01 lần là 800.000đ. Sau khi trừ trước tiền lãi 10 ngày, bị cáo đưa cho bà T3 7.200.000đ. Đến ngày 20/5/2023, bà T3 đã trả tổng cộng 4.000.000đ tiền lãi.

Tổng hợp 9 khoản vay, bị cáo đã thu của bà T3 lãi và phí là 29.050.000đ, trong đó: Tiền lãi được thu theo quy định là 1.495.890đ; tiền lãi, phí thu vượt quá quy định là 27.554.110đ. Số tiền gốc ban đầu sử dụng cho vay là 8.500.000đ.

Đối với ông Phạm Hoàng N5:

Lần thứ 1: Ngày 11/6/2023, ông N5 vay 50.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 24 ngày, mỗi ngày góp 2.500.000đ, phí dịch vụ là 2.500.000đ. Sau khi trừ trước phí dịch vụ và thu trước 02 tiền góp, bị cáo đưa cho ông N5 42.500.000đ.

Tính đến ngày 04/7/2023, ông N5 đã trả cho bị cáo 36.600.000đ.

Lần thứ 2: Ngày 04/7/2023, ông N5 xin đáo hạn lần vay 1, ông N5 vay lại lần thứ 2, hình thức vay trả góp, góp trong 24 ngày, mỗi ngày góp 2.500.000đ tính từ ngày 05/7/2023. Đến cuối tháng 7/2023, ông N5 tất toán khoản vay này, trả đủ cho bị cáo 60.000.000đ.

Tổng hợp 02 lần cho vay, bị cáo đã thu của ông N5 tiền lãi và phí dịch vụ là 22.500.000đ, trong đó, tiền lãi được thu theo quy định là 1.315.068đ; tiền lãi, phí thu vượt quá quy định là 21.184.932đ. Số tiền sử dụng làm phương tiện cho vay là 65.000.000đ.

Đối với bà Lê Thị V2:

Lần thứ 1: Ngày 02/6/2023, bà V2 vay 30.000.000đ, hình thức vay trả góp, mỗi ngày góp 1.500.000đ, phí dịch vụ là 3.000.000đ. Sau khi trừ trước phí dịch vụ và 02 ngày tiền góp là 3.000.000đ, bị cáo chuyển khoản ngân hàng cho bà V2 24.000.000đ. Đến ngày 26/6/2023, bà V2 đã tất toán.

Lần thứ 2: Ngày 02/7/2023, bà V2 vay 20.000.000đ, hình thức vay trả góp, mỗi ngày góp 1.000.000đ. Đến ngày 26/7/2023, V2 đã tất toán khoản vay.

Tổng hợp 2 khoản vay, bị cáo đã thu của bà V2 tiền lãi và phí là 15.500.000đ, trong đó: Số tiền lãi được thu theo quy định là 684.932đ; tiền lãi, phí thu vượt quá quy định là 14.815.068đ. Số tiền bị cáo sử dụng làm phương tiện cho vay là 24.000.000đ.

Đối với bà Điền Thị T4:

Lần thứ 1: Ngày 11/4/2023, bà T4 vay 100.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 43 ngày, mỗi ngày góp 3.000.000đ. Sau khi trừ trước 02 ngày

tiền góp là 6.000.000đ và 200.000đ Thảo chủ động cho bị cáo, bị cáo chuyển khoản cho bà T4 số tiền 93.800.000đ. Đến ngày 31/5/2023, bà T4 tất toán khoản vay.

Lần thứ 2: Ngày 10/6/2023, bà T4 vay 50.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 30 ngày, mỗi ngày góp 2.000.000đ. Đến ngày 10/7/2023, bà T4 tất toán khoản vay.

Lần thứ 3: Ngày 13/7/2023, bà T4 vay 50.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 30 ngày, mỗi ngày góp 2.000.000đ. Sau đó, T4 chuyển khoản trả cho bị cáo 09 ngày với số tiền là 18.000.000đ; ngày 28/7/2024, bà T4 trả cho bị cáo 38.000.000đ. Khoản vay này đã tất toán.

Tổng hợp 3 lần cho vay, bị cáo thu của bà T4 tiền lãi và phí dịch vụ là 49.000.000đ. Tiền lãi được thu theo quy định là 4.000.000đ; tiền lãi, phí thu vượt quá quy định là 45.000.000đ. Tiền bị cáo sử dụng làm phương tiện cho vay là 93.800.000đ.

Đối với bà Biện Thanh Y:

Lần thứ 1: Ngày 28/11/2022, bà Y vay 30.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 1.500.000đ. Sau khi trừ trước 02 ngày tiền trả góp là 3.000.000đ, bị cáo chuyển khoản cho bà Y 20.600.000đ và đưa 6.400.000đ tiền mặt. Sau đó, Y đã tất toán. Hoàng A thu lợi 7.500.000đ, trong đó lãi được thu theo quy định là 410.599đ, lãi thu vượt quá quy định là 7.089.041đ.

Lần thứ 2: Ngày 13/02/2023, bà Y vay 60.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 40 ngày, mỗi ngày góp 2.000.000đ (1.500.000đ tiền gốc và 500.000đ tiền lãi). Bà Y trả được 06 ngày là 12.000.000đ (9.000.000đ tiền gốc và 3.000.000đ lãi), còn nợ 68.000.000đ gốc và lãi (51.000.000đ tiền gốc và 17.000.000đ tiền lãi) thì không có khả năng trả nữa nên bị cáo yêu cầu bà Y phải chuyển sang hình thức vay đứng, bà Y đồng ý.

Lần vay 3: Ngày 17/3/2023, số tiền gốc và tiền lãi của lần vay thứ 2 mà bà Y là 68.000.000đ được chuyển sang hình thức vay đứng, tiền lãi mỗi ngày bà Y phải trả mỗi tuần là 5.400.000đ. Tính đến ngày 28/7/2023 (134 ngày) thì Y đã trả cho cho bị cáo 26.100.000đ tiền lãi, còn tiền gốc thì chưa trả.

Tổng hợp 3 lần cho vay, số tiền gốc mà Hoàng A đã cho bà Y vay là 90.000.000đ, số tiền gốc bà Y đã trả là là 39.000.000đ, số tiền lãi, phí đã thu là 35.100.000đ, trong đó: tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 4.352.516đ; tiền lãi và phí thu vượt quá quy định là 30.747.484đ. Số tiền gốc bà Y còn chiếm giữ là 51.000.000đ

Đối với bà Mai Thanh T5:

Lần thứ 1: Ngày 01/06/2023, bà T5 vay 60.000.000đ, hình thức vay trả góp, trả góp trong 30 ngày, mỗi ngày góp 2.500.000đ. Sau khi trừ trước 3.000.000đ tiền phí dịch vụ và 02 ngày tiền góp là 5.000.000đ, bị cáo chuyển khoản cho bà T5 30.000.000đ và đưa cho bà T5 22.000.000đ tiền mặt. Tổng số tiền bà T5 phải trả cho bị cáo là 78.000.000đ. Bà T5 trả góp được 29 ngày thì

xin đáo hạn.

Lần thứ 2: Ngày 30/06/2023, bà T5 đáo hạn lần vay 1, chuyển sang lần vay thứ 2, vay 50.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 29 ngày, mỗi ngày góp 2.000.000đ. Tổng số tiền bà T5 phải trả là 58.000.000đ. Đến ngày 18/7/2023, bà T5 tất toán.

Lần thứ 3: Ngày 20/7/2023, bà T5 vay 60.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 3.000.000đ. Tổng số tiền T5 phải trả là 78.000.000đ. Đến ngày 27/7/2023, bà T5 trả góp được 08 ngày với tổng số tiền là 24.000.000đ, còn nợ lại 51.000.000đ thì T5 trả bằng tiền mặt và tất toán khoản vay.

Tổng hợp 3 lần cho vay, bị cáo đã thu của bà tiền lãi và phí dịch vụ là 44.000.000đ. Tiền lãi theo mức lãi suất 20%/năm là 2.602.740đ. Tiền lãi, phí thu vượt quá quy định là 41.397.260đ. Tiền bị cáo sử dụng làm phương tiện cho vay là 52.000.000đ.

Đối với bà Văn Thị Thanh H8:

Lần vay 1: Ngày 19/6/2023, bà H8 vay 20.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 30 ngày, mỗi ngày góp 800.000đ. Sau khi trừ trước tiền góp 02 ngày là 1.600.000đ, bị cáo đưa cho bà H8 18.400.000đ tiền mặt. Tổng số tiền bà H8 phải trả là 24.000.000đ. Đến ngày 13/7/2023, bà H8 trả góp được 24 ngày với tổng số tiền là 19.200.000đ thì xin đáo hạn.

Lần vay 2: Ngày 13/7/2023, bị cáo cho bà H8 vay đáo hạn, bà H8 vay 20.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 30 ngày, mỗi ngày góp 800.000đ. Tổng số tiền bà H8 phải trả là 24.000.000đ. Sau đó, bà H8 đã tất toán.

Tổng hợp 2 lần cho vay, bị cáo thu của bà H8 tiền lãi và phí dịch vụ là 8.000.000đ. Tiền lãi được thu theo quy định là 657.534đ. Tiền lãi, phí thu vượt quá quy định là 7.342.466đ. Tiền sử dụng làm phương tiện cho vay là 18.400.000đ.

Đối với bà Võ Thanh Thiên Â:

Lần thứ 1: Ngày 10/6/2023, ông Â vay 20.000.000đ *(nhưng giấy vay tiền ghi vay 25.000.000đ),* hình thức vay trả góp, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 1.000.000đ. Sau khi trừ phí dịch vụ là 2.000.000đ và thu trước 02 ngày tiền góp là 2.000.000đ, bị cáo chuyển khoản cho ông Â 16.000.000đ. Tổng cộng số tiền lãi và gốc mà Â phải trả là 25.000.000đ. Ông Â trả góp được 20 ngày thì xin đáo hạn.

Lần thứ 2: Ngày 05/7/2023, ông Â vay đáo hạn lần 1, vay 20.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 1.000.000đ. Sau đó, ông Â trả được 24.000.000đ, còn nợ lại 1.000.000đ.

Tổng hợp 2 lần cho vay, bị cáo đã thu của bà Â tiền lãi và phí dịch vụ là 13.800.000đ. Tiền lãi được thu theo quy định là 539.178đ. Tiền lãi, phí thu vượt quá quy định là 13.260.822đ. Tiền bị cáo sử dụng làm phương tiện cho vay là 16.000.000đ.

Đối với bà Nguyễn Ngọc Kim N6:

Lần thứ 1: Tháng 11/2022, bà N6 vay 10.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 31 ngày, mỗi ngày góp 400.000đ. Sau khi trừ phí dịch vụ là 400.000đ và thu trước 02 ngày tiền góp là 800.000đ, bị cáo đưa cho bà N6 8.800.000đ. Tổng số tiền N6 phải trả là 12.400.000 đồng. Sau đó, bà N6 tất toán khoản vay.

Lần thứ 2: Ngày 23/7/2023, bà N6 vay 40.000.000đ, hình thức vay trả góp, góp trong 31 ngày, mỗi ngày góp 1.600.000đ. Tổng số tiền gốc và lãi phải trả là 49.600.000đ. Sau khi trừ trước 02 ngày tiền góp là 3.200.000đ, bị cáo đưa cho bà N6 36.800.000đ. Sau đó, bà N6 được 04 ngày tiền góp là 6.400.000đ, còn nợ lại là 34.838.710đ tiền gốc. Lãi hợp pháp mà bị cáo được thu tính đến ngày 01/8/2023 là 133.628đ.

Tổng hợp 2 lần cho vay, bị cáo thu của bà N6 tiền lãi và phí dịch vụ là 4.038.710đ. Tiền lãi được thu theo quy định là 391.162đ. Tiền lãi, phí thu vượt quá quy định là 3.647.548đ. Tiền bị cáo sử dụng làm phương tiện cho vay là 45.600.000đ. Tiền gốc bà N6 còn chiếm giữ là 34.838.710đ.

Chi tiết về xác khoản vay, số tiền lãi, phí nêu ở các phần trên được ghi nhận tại các bút lục 6507, 6508, 65096534, 6535, 6543, 6544, 6507, 6508, 6509.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra có thu giữ của các bị cáo 11 điện thoại đi động các loại và 01 CPU hiệu VSP.

Tại Bản Cáo trạng số 271/CT-VKS-P2 ngày 03/12/2025 của Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã:

-Truy tố Hoàng Trọng Đức và Phùng Quang Huy về các tội "Cưỡng đoạt tài sản" và "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo điểm d khoản 2 Điều 170 và khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Bộ luật hình sự);

-Truy tố Đỗ Hồng Q và Nguyễn Văn L về các tội "Cưỡng đoạt tài sản" và "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 1 Điều 170 và khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự;

-Truy tố Nguyễn Hoàng A về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 747/2025/HS-ST ngày 27/11/2025 Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đã quyết định:

*"...**5**. Căn cứ khoản 2 Điều 201, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017,*

*Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hoàng A** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án được trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 01/8/2023 đến ngày 29/9/2023.*

Các biện pháp tư pháp liên quan bị cáo Nguyễn Hoàng A:

** Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng A có nghĩa vụ:*

-Trả lại cho bà Phạm Thị Thùy T3 27.554.110đ;

-Trả lại cho ông Phạm Hoàng 1;

-Trả lại cho bà Lê Thị V2 14.815.068đ;

-Trả lại cho bà Điền Thị T4 45.000.000đ;

-Trả lại cho bà Văn Thị Thanh H8 7.342.466đ;

-Trả lại cho bà Võ Thanh Thiên Â 13.260.822đ;

-Trả cho bà Mai Thanh T5 41.397.260đ.

** Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng A phải nộp lại 304.196.721đ để sung vào ngân sách Nhà nước.*

** Tạm giữ 20.000.000đ do bị cáo Nguyễn Hoàng A đã nộp để thực hiện nghĩa vụ thi hành án của bị cáo Nguyễn Hoàng A"...*

Ngoài ra, bản án còn tuyên về hình phạt đối với các bị cáo khác, về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp, về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 19/01/2026, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận được đơn kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Hoàng A.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Hoàng A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử xem xét đơn kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo.

Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Hoàng A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo. Về nội dung: xét thấy Toa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng A với mức án 1 (một) năm 6 (sáu) tháng tù về tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"* theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào mới nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo, giữ nguyên mức hình phạt như bản án sơ thẩm đã tuyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hoàng A được thực hiện trong hạn luật định, hợp lệ nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Bị cáo đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Xét thấy, việc vắng mặt của bị cáo không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt của bị cáo theo quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hoàng A, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Căn cứ lời khai của bị cáo, lời khai của những người vay tiền, sao kê giao dịch ngân hàng, dữ liệu điện tử và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ xác định: Nguyễn Hoàng A đã thực hiện hành vi cho nhiều người vay tiền với lãi suất vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính số tiền lớn. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Hoàng A về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Hoàng A thấy rằng: bị cáo là người trực tiếp bỏ tiền cho vay, tự thực hiện nhiều khoản vay đối với nhiều người vay khác nhau, đồng thời còn cùng Phùng Quang H và Nguyễn Văn L thực hiện việc cho vay lãi nặng đối với một số người vay khác. Tổng số tiền bị cáo Hoàng A thu lợi bất chính là 297.644.874 đồng, trong đó có 58.156.164 đồng là do Hoàng A cùng Phùng Quang H và Nguyễn Văn L thực hiện, còn 239.488.710 đồng là do cá nhân Hoàng A thực hiện. Đây là số tiền thu lợi bất chính lớn nhất so với các bị cáo khác trong vụ án về hành vi cho vay lãi nặng. Hành vi của bị cáo được thực hiện nhiều lần, đối với nhiều người vay, thể hiện ý thức xem thường pháp luật, trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tín dụng dân sự, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương.

Về hậu quả và việc khắc phục hậu quả, bản án sơ thẩm đã buộc bị cáo Nguyễn Hoàng A phải trả lại cho những người vay số tiền 169.239.590 đồng, gồm: trả lại cho bà Phạm Thị Thùy T3 27.554.110 đồng; ông Phạm H9 19.869.864 đồng; bà Lê Thị V2 14.815.068 đồng; bà Điền Thị T4 45.000.000 đồng; bà Văn Thị Thanh H8 7.342.466 đồng; bà Võ Thanh Thiên Â 13.260.822 đồng; bà Mai Thanh T5 41.397.260 đồng. Ngoài ra, bị cáo còn phải nộp lại 304.196.721 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước; đồng thời cùng Phùng Quang H và Nguyễn Văn L có nghĩa vụ liên đới nộp lại 73.869.863 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước. Như vậy, tổng số tiền liên quan đến bị cáo Hoàng A có nghĩa vụ phải nộp là 547.306.174 đồng, nhưng quá trình giải quyết vụ án chỉ mới tạm giữ 20.000.000 đồng do bị cáo nộp để bảo đảm thi hành án; số tiền còn lại phải thi hành còn rất lớn, bị cáo chưa khắc phục được phần lớn hậu quả của hành vi phạm tội.

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và các tình tiết giảm nhẹ khác theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Mức hình phạt 01 năm 06 tháng tù mà cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, số tiền thu lợi bất chính, số lần thực hiện hành vi cho vay lãi nặng và hậu quả chưa được khắc phục.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo nhưng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ mới nên không đủ điều kiện để được hưởng án

treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự và hướng dẫn của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Hoàng A, giữ nguyên phần hình phạt của bản án sơ thẩm đối với bị cáo Nguyễn Hoàng A.

[3] Quan điểm đề nghị của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Hoàng A phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Hoàng A.

2. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 30/2026/HS-ST ngày 15/01/2026 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phần hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Hoàng A.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng A 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/8/2023 đến ngày 29/9/2023.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Hoàng A phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Công tố và Kiểm xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Công an Thành phố Hồ Chí Minh;
- Bị cáo tại ngoại;
- Lưu HSVA, VTLT, (22b-TVN).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Công Mười